

Bản án số: 339/2024/HS-PT
Ngày: 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Bà Lê Thị Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Biều, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 364/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Vũ Hoài S và kháng cáo của bị hại Đinh Văn N, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:**

Vũ Hoài S, sinh năm 1992; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn DH, xã TP, huyện ML, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn Đ sinh năm 1972 và bà Vũ Hoài T (theo Lý lịch bị can còn có tên Vũ Thị T), sinh năm 1972; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996 và có 02 con (lớn sinh năm 2015 nhỏ sinh năm 2016); không có tiền án, tiền sự; nhân thân: Năm 2010, bị cáo bị TAND huyện ML, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2022 đến nay; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Ngô Thị T – Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Anh Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt

*** Bị hại có kháng cáo:** Anh Đinh Văn N, sinh năm 1982; trú tại khu dân cư CV, phường CM, thành phố CL, tỉnh Hải Dương; có mặt.

* Trong vụ án còn có các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo, nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi của Vũ Hoài S trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đinh Văn N, sinh năm 1982, trú tại khu dân cư CV, phường CM, thành phố CL, tỉnh Hải Dương cụ thể như sau:

Đầu năm 2021, anh Đinh Văn N và anh Dương Quang D, sinh năm 1975, trú tại khu 2, thị trấn TK, huyện TĐ, tỉnh Lạng S bàn bạc cùng góp vốn để khai thác khoáng sản tại tỉnh Bắc Giang dưới hình thức hạ thấp đất đồi để làm nông trại và khai thác đất dư thừa trong quá trình hạ thấp đất đồi để bán lấy lợi nhuận. Sau đó, anh N thông qua anh Bùi Quang H, ông Nguyễn Văn Ch tìm được thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, thôn NS, xã CD, huyện LN của ông Hoàng Văn T là người cùng thôn với ông Ch. Ông T ủy quyền cho ông Ch đại diện để thỏa thuận với anh H. Ông Ch và anh H thỏa thuận chi phí anh H phải trả cho ông Ch để hạ thấp độ cao thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 và khai thác đất dư thừa khi hạ thấp độ cao là 100.000.000 đồng. Ngày 15/01/2021, tại quán cafe ở thị trấn ĐN, huyện LN, anh N và anh D thỏa thuận với anh H việc hai anh trả số tiền 350.000.000 đồng cho anh H để được quyền hạ thấp độ cao thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, diện tích 5.825 m², địa chỉ thôn NS, xã CD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, thời gian tiến hành hạ thấp độ cao là 12 tháng kể từ ngày 15/01/2021, độ cao khai thác bằng với mặt đường liền kề. Anh D trả trước số tiền 240.000.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng và hẹn khi nào khai thác xong thì sẽ trả nốt cho anh H.

Cùng thời điểm này, anh Trần Xuân M và anh Tô Văn B, sinh năm 1983, trú tại thôn VG, xã CM, huyện CL, tỉnh Hải Dương giới thiệu Vũ Hoài S là cháu ông Trịnh Đình D – Phó Thủ tướng với anh N. Khi gặp anh N thì S tự giới thiệu có quan hệ quen biết với nhiều Lãnh đạo tỉnh Bắc Giang có khả năng xin cấp phép các dự án khai thác khoáng sản ở tỉnh Bắc Giang. Tin tưởng S là cháu họ của Lãnh đạo cấp cao ở Trung ương và tin lời S nói nên anh N đặt vấn đề nhờ S xin cấp phép hạ thấp độ cao thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, thôn NS, xã CD, huyện LN và khai thác đất dư thừa khi hạ thấp độ cao, S đồng ý giúp anh N. Từ tháng 02/2021 đến ngày 12/7/2022, anh N đã chuyển khoản và đưa tiền mặt cho S với tổng số tiền 610.000.000 đồng cho S để nhờ S xin cấp phép dự án, cụ thể như sau:

+ Ngày 05/02/2021, tại quán thịt dê “Cây Phượng” ở khu đô thị Trường Linh, phường CH, thành phố CL, tỉnh Hải Dương, anh N đưa cho S số tiền 150.000.000 đồng. Khi anh N giao tiền cho S thì có anh M, anh B chứng kiến.

+ Không xác định thời gian cụ thể, tại khu vực công UBND tỉnh Bắc Giang, anh N đưa số tiền 200.000.000 đồng cho S.

+ Không xác định thời gian cụ thể, tại khu vực UBND tỉnh Bắc Giang, anh N đưa số tiền 150.000.000 đồng cho S.

Sau khi nhận số tiền nêu trên, ngày 06/7/2021, S viết giấy biên nhận nhận số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và giao cho anh N cất giữ.

+ Ngày 06/7/2021, anh N chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng BIDV số 46110000632935 đến tài khoản Ngân hàng Công thương số 104869376134 của S số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 12/7/2021, anh N chuyển khoản cho S số tiền 10.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã làm việc với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang; Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN xác định từ ngày 01/01/2021 đến ngày 23/7/2022, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN không tiếp nhận, thẩm định, xem xét bất kỳ hồ sơ xin cấp phép hạ thấp độ cao nào tại thôn NS, xã CD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình điều tra, ban đầu S thừa nhận việc nhận số tiền 610.000.000 đồng của anh N để giúp anh N xin cấp phép hạ thấp độ cao thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06, thôn NS, xã CD, huyện LN và khai thác đất dư thừa khi hạ thấp độ cao thửa đất nhưng sau đó S không thừa nhận việc nhận số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) như giấy biên nhận S viết ngày 06/7/2021 mà trình bày anh N đưa số tiền này cho anh Trần Xuân M để nhờ anh M xin cấp phép hạ thấp độ cao thửa đất ở xã CD. Số tiền 110.000.000 đồng anh N chuyển khoản cho S là tiền S vay của anh N để làm ăn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã cho anh N và S đối chất nhưng 02 bên giữ nguyên lời khai.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2022, Vũ Hoài S khai về việc sử dụng số tiền 610.000.000 đồng của anh Đinh Văn N như sau:

+ S đưa 40.000.000 đồng cho ông Đặng Văn Nh là Chủ tịch UBND huyện LN; đưa 30.000.000 đồng cho ông Nguyễn Duy Q là Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN; đưa 20.000.000 đồng cho anh H2 Đinh G là Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN để nhờ những người này tạo điều kiện cấp phép hạ thấp độ cao thửa đất ở xã CD, huyện LN, khi S đưa tiền cho những người nêu trên thì có anh Trần Xuân M chứng kiến. Sau đó, S thay đổi lời khai là cùng với anh M, ông Nguyễn Phi H1 đến gặp những người nêu trên, ông H1 là người đưa tiền cho những người này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã làm việc với ông Đặng Văn Nh; ông Nguyễn Duy Q; anh H2 Đình G; anh Trần Xuân M và ông Nguyễn Phi H1 nhưng những người này đều phủ nhận lời khai của S.

+ S đưa số tiền 20.000.000 đồng cho anh Trần Xuân M để anh M đưa cho Chủ tịch UBND xã CD để nhờ người này tạo điều kiện cho việc lập hồ sơ cấp phép hạ thấp độ cao ở thửa đất ở thôn NS, xã CD. Tuy nhiên anh M và ông Hoàng Văn Đ là Chủ tịch UBND xã CD đều phủ nhận lời khai của S. Do đó lời khai của S về việc này là không có căn cứ.

+ S đưa số tiền 250.000.000 đồng cho anh Vũ Quốc Th, sinh năm 1988, trú tại trung cư AB, đường PVD, quận BTL, thành phố Hà Nội là cán bộ phòng 5, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an được phân công tiếp cận và bảo vệ ông Trịnh Đình D – Phó Thủ tướng để nhờ anh Th liên hệ với Lãnh đạo tỉnh Bắc Giang xin cấp phép hạ thấp độ cao và vận chuyển thửa đất ở xã CD, huyện LN. Tuy nhiên anh Th không thừa nhận việc nhận tiền của S. Khi tiến hành đối chất với anh Th, S xác định không đưa tiền cho anh Th như đã khai trước đó.

+ S trả cho anh H2 Văn Q1, sinh năm 1983, trú tại thôn TP, xã TM, thành phố BG là cán bộ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang số tiền 10.000.000 đồng để thuê anh Q1 lập hồ sơ xin cấp phép hạ thấp độ cao và vận chuyển thửa đất ở xã CD, huyện LN.

Anh H2 Văn Q1 khai S có liên hệ với anh Q1 để nhờ anh Q1 lập hồ sơ xin cấp phép hạ thấp độ cao và vận chuyển thửa đất ở xã CD, huyện LN nhưng do quy định quản lý, khai thác, vận chuyển đất đắp nền công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hết hiệu lực nên anh Q1 từ chối lập hồ sơ cho S, S chưa thanh toán cho anh Q1 bất kỳ chi phí nào. Kiểm tra lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng của S xác định không có sự việc S chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng cho anh Q1. Tiến hành đối chất, cả anh Q1 và S giữ nguyên lời khai. Căn cứ tài liệu thu thập được xác định không có sự việc S trả cho anh Q1 số tiền 10.000.000 đồng.

+ S đưa số tiền 120.000.000 đồng cho anh Trần Xuân M để cảm ơn việc M giới thiệu anh N với S: Anh Trần Xuân M khai, sau khi S nhận 150.000.000 đồng của anh N thì S đưa cho anh M 20.000.000 đồng để nhờ anh M đi lại trong quá trình nộp giấy tờ xin cấp phép dự án giúp S nhưng 1-2 ngày sau, anh M đã trả lại cho S số tiền này do S đòi anh M. Qua kiểm tra lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng xác định không có sự việc anh M chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng cho S vào thời gian tháng 02/2021. Đối với số tiền 100.000.000 đồng còn lại S khai cho anh M, anh M không thừa nhận. Do đó không có căn cứ chứng minh việc anh M nhận số tiền 100.000.000 đồng của S.

Quá trình điều tra xác định: Trần Xuân M không bàn bạc với Vũ Hoài S về việc chiếm đoạt tài sản của anh Đình Văn N và M không biết việc S chiếm đoạt tài

sản của anh N. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Trần Xuân M về việc đồng phạm với Vũ Hoài S chiếm đoạt tài sản của anh N.

Ngoài việc đưa số tiền 610.000.000 đồng cho Vũ Hoài S rồi bị S chiếm đoạt, anh Đinh Văn N còn khai có đưa cho anh Trần Xuân M số tiền 270.000.000 đồng để nhờ anh M lo thủ tục cấp phép hạ thấp độ cao và vận chuyển thửa đất ở xã CD, huyện LN cùng với S. Tuy nhiên, anh M vắng mặt tại địa phương từ tháng 9/2022 đến nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang chưa làm việc với M về nội dung này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang hiện đang tiếp tục xác minh làm rõ nội dung này.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Công Đ, Lê Văn T, Nguyễn Mạnh C, trong đó Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 2.271.000.000 đồng và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trị giá 260.000.000 đồng):

Vũ Hoài S có vợ là chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H là cháu họ của ông Trịnh Đình D – Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bố vợ của S là ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1970, ở cùng thôn với S được ông Trịnh Đình D nhờ quản lý, trông giữ nhà thờ họ Trịnh tại thôn THĐ, xã TP, huyện ML, thành phố Hà Nội. Lợi dụng mối quan hệ họ hàng của gia đình vợ với ông Trịnh Đình D, S đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật về việc bản thân có quan hệ quen biết với nhiều Lãnh đạo tại các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và tỉnh Bắc Giang nên S có khả năng nhờ cấp phép khai thác khoáng sản; chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở; nhập phần đất công ích vào diện tích đất ở; xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; để các bị hại tin tưởng và đưa tiền, S đã thuê người lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình cải tạo; đo đạc, vẽ sơ đồ thửa đất; liên hệ với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN thì không có hồ sơ xin cấp phép khai thác khoáng sản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất như S đã hứa hẹn.

Bằng các thủ đoạn nêu trên, từ tháng 11/2020 đến tháng 6/2022, Vũ Hoài S đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 06 người bị hại với tổng số tiền là 1381.000.000 đồng, cụ thể:

- Lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1978, trú tại thôn HP, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng số tiền 800.000.000 đồng;

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1982, trú tại thôn LS, xã CL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang số tiền 100.000.000 đồng;

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, trú tại thôn KB, xã CL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang với số tiền 106.000.000 đồng;

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982, trú tại thôn TĐ, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang số tiền 140.000.000 đồng;
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1991, trú tại thôn CT, xã Yên S, huyện LN, tỉnh Bắc Giang số tiền 25.000.000 đồng;
- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn HP 13, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang với số tiền 210.000.000 đồng.

3. *Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1991, trú tại thôn HP 13, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang số tiền 100.000.000 đồng và của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982, trú tại thôn HM, xã CD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang số tiền 80.000.000 đồng:*

Khi biết việc Đỗ Văn H2, sinh năm 1995, trú tại thôn HP 13, xã TD, huyện LN là em trai anh T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LN, tỉnh Bắc Giang bắt, khởi tố, tạm giam về các tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, S nói với anh T1, anh B1 về việc bản thân S có người nhà bên vợ làm ở Trung ương, có quan hệ quen biết với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và Trưởng Công an huyện LN; S có khả năng xin thay đổi kết luận giám định đối với khẩu súng mà H2 tàng trữ từ súng thật thành súng giả để H2 không bị xử lý về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và có thể xin cho H2 được tại ngoại. S nói chi phí để xin thay đổi kết luận giám định đối với khẩu súng là 100.000.000 đồng và chi phí để xin tại ngoại cho H2 là 80.000.000 đồng. Tin tưởng lời S, anh T1 đã về nhà lấy số tiền 100.000.000 đồng và nhờ anh T2, anh L đưa số tiền này cho S. Sau đó, anh L và anh T2 đã đi đến nhà nghỉ “Đại Lâm”, địa chỉ xã ĐL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang đưa cho S số tiền 100.000.000 đồng của anh T1 để “lo việc” cho H2. Do gia đình anh T1 không có đủ tiền nên anh B1 (là bạn thân của H2) đã đứng ra lo số tiền 80.000.000 đồng để xin tại ngoại cho H2. Sau khi nhận số tiền 180.000.000 đồng của anh T1 và anh B1, S sử dụng để chi tiêu hết.

4. *Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Lê Hồng T3, sinh năm 1968, trú tại thôn T, xã ĐL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang với tổng số tiền 360.000.000 đồng.*

Đầu tháng 6/2022, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Lê Hồng T3 quen biết với Vũ Hoài S. S giới thiệu với ông T3, S là Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư thương mại dịch SHTB, địa chỉ thôn TT, xã LH, huyện YD, tỉnh Bắc Giang; vợ S là cháu ông Trịnh Đình D - Phó Thủ tướng, còn S là cháu họ ông Vũ Đức Đ – Phó Thủ tướng. Khi biết ông T3 có Công ty chuyên san lấp mặt bằng, S nói với ông T3 việc S có thỏa thuận với ông D1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Golf Trường An Lục Nam, về việc Công ty Cổ phần Golf Trường An Lục Nam bán đất dư thừa khi thi công ty sân golf Lục Nam cho S; nếu ông T3 có nhu

cầu mua thì S bán phần đất đó cho ông T3. Ông T3 tin tưởng lời S nói là thật và ký kết hợp đồng kinh tế với S vào ngày 16/6/2022 về việc thỏa thuận mua, bán đất san lấp tại sân golf Lục Nam.

Ngày 24/6/2022, S cùng với bạn là anh Nguyễn Công H2, sinh năm 1991, trú tại thôn G, xã ĐL, huyện LG đến nhà ông T3 chơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, S hỏi mượn ông T3 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu S bạc, biển kiểm soát 98A-128.43, mục đích để đi chơi và hẹn đến sáng ngày hôm sau sẽ trả lại cho ông T3. Do là chỗ quen biết, lại đang làm ăn chung nên ông T3 đồng ý cho S mượn. Sau khi mượn được xe, S điều khiển xe chở anh H2 đi đến quán Bar BerClub ở tổ dân phố My Điền, thị trấn N, huyện VY, tỉnh Bắc Giang chơi. Sau khi ăn chơi tại quán Bar hết số tiền 60.000.000 đồng, không có tiền trả quán nên S để lại xe ô tô mượn của ông T3 tại quán Bar làm tin rồi đi taxi về nhà nghỉ Đại Lâm để ngủ.

Đến tối ngày 25/6/2022, S tiếp tục đi đến quán Bar BerClub ăn chơi hết số tiền 60.000.000 đồng. Đến rạng sáng ngày 26/6/2022, do không có tiền trả sau 2 ngày ăn chơi cho quán Bar BerClub, S đã bán chiếc xe ô tô của ông T3 cho anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố DQ, thị trấn BĐ, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Khi bán chiếc xe ô tô cho anh T1 thì S nói chiếc xe là của S, đứng tên trên giấy đăng ký xe là ông T3 là chú của S. Tin tưởng là xe của S nên anh T1 đồng ý mua xe với giá 200.000.000 đồng. Anh T1 thỏa thuận trả cho S trước số tiền 120.000.000 đồng, khi nào S mang giấy tờ xe ô tô đến thì anh T1 sẽ trả nốt số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên có ký kết 01 hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 26/6/2022. Số tiền 120.000.000 đồng nhận của anh T1 từ việc bán xe ô tô của ông T3, S đã trả cho quán Bar BerClub hết.

Sau khi bán xe ô tô của ông T3 cho anh T1, S gọi điện nói với ông T3 là S đã cầm xe của ông T3 cho người khác để vay số tiền 120.000.000 đồng, S đề nghị ông T3 cho S vay 100.000.000 đồng để S chuộc xe ra trả cho ông T3; S thỏa thuận với ông T3 số tiền vay này sẽ đưa vào Hợp đồng kinh tế ký kết giữa S và ông T3 ngày 16/6/2022 (có nghĩa là ông T3 trả trước số tiền này cho S để mua đất). Do đã ký kết hợp đồng với S trước đó và nghĩ là S sẽ dùng tiền vay để chuộc xe cho mình nên ông T3 tin tưởng và đồng ý chuyển khoản cho S vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận 100.000.000 đồng của ông T3, S không sử dụng số tiền này để chuộc xe ô tô trả cho ông T3 như đã nói mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ông Nguyễn Duy D1, sinh năm 1957, trú tại số 01/30 ngõ 135, đường NVC, quận LB, thành phố Hà Nội là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Golf Trường An Lục Nam trình bày: Công ty Golf Trường An Lục Nam là đơn vị đầu tư xây dựng sân Golf Lục Nam. Năm 2022, Vũ Hoài S có liên hệ với ông D1 để hỏi mua đất dư thừa khi thi công sân Golf Lục Nam nhưng do chưa được các Cơ quan chức năng thuộc UBND tỉnh Bắc Giang cấp phép nên ông D1 chưa đồng ý bán đất dư thừa

khi thi công sân Golf Lục Nam cho S. Giữa Công ty Golf Trường An Lục Nam và Vũ Hoài S chưa ký kết hợp đồng hay thoả thuận gì việc mua, bán đất.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện LG, kết luận: *Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10, màu S bạc, biển kiểm soát 98A-128.43 của ông T3 bị S chiếm đoạt có giá trị là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) (bút lục 64).*

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Thu H là vợ bị can S đã tự nguyện bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 100.000.000 đồng. Đến nay, các bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo Vũ Hoài S bồi thường số tiền còn đang chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vũ Hoài S 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vũ Hoài S 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Hoài S phải chịu hình phạt chung của hai tội là: 19 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/7/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/02/2024, bị cáo Vũ Hoài S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/3/2024, bị hại anh Đinh Văn N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo S.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Vũ Hoài S giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm quy kết về hành vi phạm tội là đúng pháp luật, không oan. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho anh Lê Minh T để giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị hại anh Đinh Văn N trình bày: Trong vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là đối tượng Trần Xuân M vì anh M nhận của anh 270.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, không có tình tiết nào mới để xem xét giảm án cho bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại là anh Đinh Văn N, thấy: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh về việc anh Trần Xuân M nhận của anh N 270 triệu đồng. Tuy nhiên do anh M không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ. Do đó, không có căn cứ hủy án sơ thẩm như đề nghị của bị hại. Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, bị hại là anh Đinh Văn N, y án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có nhân thân xấu khi lượng hình là không phù hợp, bất lợi cho bị cáo vì đây không phải là tình tiết tăng nặng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn: Bố mẹ bị cáo hiện đang đi chấp hành hình phạt tù, vợ bị cáo không có công ăn việc làm, con còn nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo mức án 12 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 năm tù đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội:

[2.1] Để có tiền ăn chơi, chi tiêu cá nhân, Vũ Hoài S đã lợi dụng mối quan hệ họ hàng của gia đình nhà vợ với ông Trịnh Đình D – Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, đưa ra những thông tin sai sự thật về việc có quan hệ quen biết với nhiều Lãnh đạo tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; S có khả năng nhờ xin cấp phép khai thác khoáng sản, chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, nhập phần đất công ích vào diện tích đất ở, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chạy án, xin tại ngoại cho bị can đang bị khởi tố, tạm giam để những người bị hại tin tưởng, giao tiền cho S. Sau đó S không giúp gì cho các bị hại mà dùng số tiền do các bị hại đưa để chi tiêu cá nhân hết. Bằng các thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 6/2022, Vũ

Hoài S đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 10 người bị hại với tổng số tiền là 2.271.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi một triệu đồng), trong đó bị cáo đã lừa đảo anh Đinh Văn N số tiền 610.000.000 đồng.

[2.2] Ngoài ra, ngày 24/6/2022 Vũ Hoài S còn mượn của ông Lê Hồng T3 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10, biển kiểm soát 98A-128.43, trị giá 260.000.000 đồng để đi lại. Đến ngày 26/6/2022, do không có tiền để trả nợ, Vũ Hoài S đã tự ý bán chiếc xe ô tô của ông T3 cho anh Nguyễn Minh T với giá 200.000.000 đồng.

[2.3] Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến lĩnh vực quản lý nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Hoài S và bị hại Đinh Văn N:

[4.1] Xét nội dung kháng cáo của bị hại là anh Đinh Văn N cho rằng anh không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập anh tham gia phiên tòa sơ thẩm là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và Cơ quan điều tra đã để lọt tội phạm, Hội đồng xét xử thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi giấy triệu tập phiên tòa cho anh N; quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến quyền lợi của anh N cũng như 09 bị hại khác cũng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; thực tế sau khi xét xử sơ thẩm, anh N không kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự mà chỉ kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp với Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về việc anh Đinh Văn N khai ngoài số tiền đưa cho S, anh còn đưa cho anh Trần Xuân M số tiền 270.000.000 đồng để nhờ anh M lo thủ tục cấp phép hạ thấp độ cao và vận chuyển thửa đất ở xã CD, huyện LN cùng với S, Hội đồng xét xử thấy: Do anh M vắng mặt tại địa phương từ tháng 9/2022 đến nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang chưa làm rõ được nội dung này và đã tách nội dung này để tiếp tục xác minh làm rõ. Mặt khác, nội dung này không ảnh hưởng đến việc điều tra, xét xử đối với bị cáo S. Do đó, anh N kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Hoài S và kháng cáo tăng hình phạt của bị hại Đinh Văn N:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 10 bị hại, số tiền chiếm đoạt của mỗi bị hại đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo đã tác động chị Nguyễn Thị Thu H là vợ bị cáo bồi thường cho anh Lê Minh T số tiền 100.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm b (đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”) khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên và xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, bị hại anh Đinh Văn N không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hoài S và kháng cáo của bị hại Đinh Văn N.

[5]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị hại Đinh Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Hoài S và kháng cáo của bị hại Đinh Văn N, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hoài S 05 (Năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hoài S 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Hoài S phải chịu hình phạt chung của hai tội là: 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/7/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Vũ Hoài S phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Toà án tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua TTG);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo